

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12-4-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lục Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Út.

2. Bà Lưu Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bàng Thị Minh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nông Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ và bà Trần Ngọc L – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Phùng Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày:

Chị và anh Phùng Văn H có tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn sống chung hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi chửi, thậm chí xô xát, nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cách dạy con, kinh tế gia đình và sinh hoạt hàng ngày. Nhiều lần anh H uống rượu say, đánh đập chị N, nhưng chưa có thương tích nghiêm trọng, việc anh H đánh chị N có bà Nguyễn Thị T là hàng xóm sát nhà anh H, chị N được can ngăn một, hai lần, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H.

Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Phùng Việt A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2008, hiện tại cháu đang sinh sống cùng anh H. Sau khi ly hôn chị N tự nguyện giao con chung cho anh Phùng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phùng Văn H mỗi tháng 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có vay nợ chung.

Bị đơn anh Phùng Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Ngọc L được ông Nguyễn Đ ủy quyền trình bày:

Chị N và anh H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi, xúc phạm nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh H đã đánh chị N rất nhiều lần, chị N không có chứng cứ chứng minh cho việc bị anh H đánh đập nhưng người làm chứng bà Nguyễn Thị T là hộ gia đình cạnh nhà chị N xác nhận việc anh H đánh chị N vào đầu năm 2020 bà có biết vì được can ngăn 1, 2 lần, còn thời gian gần đây vợ chồng có xích mích hay không bà không biết. Anh H đã có hành vi bạo lực gia đình với chị N, là người có lỗi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn đơn phương của chị Nhẫn.

Quá trình chung sống chị N và anh H có 01 con chung là cháu Phùng Việt A, sinh năm 2008. Con chung của chị N và anh H đã trên 7 tuổi, đề nghị HĐXX xem xét đến nguyện vọng của cháu, chị N tự nguyện giao con cho anh H nuôi dưỡng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát còn chậm, vi phạm thời hạn tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Phùng Văn H.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung sinh ngày 04/11/2008, hiện đã trên 7 tuổi, đề nghị HĐXX xem xét theo nguyện vọng của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét

Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nông Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H đang cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về tố tụng:

Anh Phùng Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Anh H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phùng Văn H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu ly hôn của chị N: Chị Nông Thị N và anh Phùng Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H nên hôn nhân giữa N và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau; thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau hai năm chung sống hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến xô xát. Nguyên nhân do anh H uống rượu say, kiêu có gây sự, đánh chị N, việc xô xát giữa vợ chồng được bà Nguyễn Thị T là hộ gia đình cạnh nhà chị N, anh H xác nhận là có thật vì bà được can ngăn hai lần vào đầu năm 2020. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, chị N đã ly thân với anh H từ ngày 12/2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy anh H đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh H vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử. Điều này thể hiện anh H không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được HĐXX chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Phùng Văn H có 01 con chung là cháu Phùng Việt A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2008. Sau khi ly hôn chị N tự nguyện giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 1.000.000,đ (Một triệu đồng).

Ngày 25/01/2021 cháu Phùng Việt A trình bày bản tự khai thể hiện nếu bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với anh Phùng Văn H.

Xét ý kiến của chị Nông Thị N và nguyện vọng của cháu Phùng Việt A: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đáp ứng được quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Chị N là lao động tự do, thu nhập hàng tháng từ 4 đến 5 triệu đồng, không có nơi ở ổn định nên tự nguyện giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N khai anh H cũng là lao động tự do, thu nhập của anh H khi hai vợ chồng còn chung sống mỗi tháng khoảng 10.000.000,đ (Mười triệu đồng). Tại Biên bản xác minh ngày 25/01/2021 ông Mông Văn D Trưởng xóm xóm Nà Roác I, xã Bạch Đằng xác nhận anh H có sức khỏe, làm nghề khai thác gỗ có thu nhập và nơi ở ổn định. Hiện nay cháu Phùng Việt A đang sống cùng anh H và anh H vẫn chăm sóc, giáo dục để cháu được học tập, phát triển bình thường. Mặt khác, cháu A có nguyện vọng được sống cùng bố nên việc giao con chung cho anh H chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Do không có ý kiến của anh H về yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX chấp nhận ý kiến thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị N, nếu sau khi ly hôn có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị N tự khai giữa chị và anh H không có tài sản chung cũng như vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa

có ý kiến của anh H về các vấn đề này nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết, nếu sau ly hôn có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N về việc yêu cầu ly hôn với anh Phùng Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn anh Phùng Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 02/11/2007 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Phùng Việt A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2008 cho anh Phùng Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng:

Buộc chị Nông Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Việt A, sinh ngày 04/11/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001505 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An. Chị Nông Thị N còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
  - TAND tỉnh Cao Bằng;
  - VKSND huyện Hòa An;
  - CC THADS huyện Hòa An;
  - UBND xã Bạch Đằng
- (Số 32 ngày 02.11.2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lục Thị Út**





Xét thấy, anh Lượng đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, tôn trọng, chăm sóc giữa vợ chồng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, chị Sửu và anh Lượng đã sống ly thân từ ngày 24/10/2020 cho đến nay chứng minh hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai.

